

Số: 98/QĐ-CPNT2

Nhon Trạch, ngày 29 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Phê duyệt Yêu cầu báo giá gói thầu Thay thế và bổ sung camera giám sát an ninh, an toàn Nhà máy điện Nhơn Trạch 2

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-CPNT2 ngày 10/06/2022 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty về việc phê duyệt sửa đổi điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-CPNT2 ngày 20/01/2020 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt sửa đổi Quy chế phân cấp trong quản lý đấu thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-CPNT2 ngày 17/01/2023 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt Quy chế lựa chọn nhà thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 46/QĐ-CPNT2 ngày 18/01/2023 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt Quy định cụ thể về thực hiện lựa chọn nhà thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-CPNT2 ngày 22/02/2024 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc Tạm giao Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2024 Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 94/QĐ-CPNT2 ngày 27/02/2024 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Thay thế và bổ sung camera giám sát an ninh, an toàn Nhà máy điện Nhơn Trạch 2;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 116/TTr-CPNT2 ngày 28/02/2024 của các Phòng chức năng về việc phê duyệt Yêu cầu báo giá gói thầu Thay thế và bổ sung camera giám sát an ninh, an toàn Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Phê duyệt Yêu cầu báo giá gói thầu Thay thế và bổ sung camera giám sát an ninh, an toàn Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 với nội dung chi tiết như Yêu cầu báo giá đính kèm theo quyết định này.
- Điều 2.** Giao Phó Giám đốc phụ trách, các phòng chức năng triển khai thực hiện các thủ tục tiếp theo đúng quy định hiện hành.
- Điều 3.** Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng TM-TTĐ, KTSX của

Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

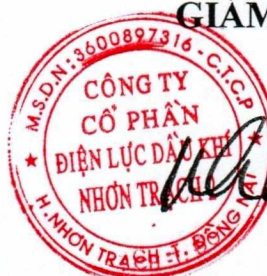
Nơi nhận:

- Như điều 3;
- P.KTSX, P.TCKT, P.TM-TTĐ;
- Lưu VT.

Đính kèm:

- Yêu cầu báo giá.

[Handwritten signature]



GIÁM ĐỐC

[Handwritten signature]

Ngô Đức Nhân

Số: 146./TTr-CPNT2

Nhơn Trạch, ngày 28 tháng 02 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc: Phê duyệt Yêu cầu báo giá gói thầu Thay thế và bổ sung camera giám sát an ninh, an toàn Nhà máy điện Nhơn Trạch 2

Kính gửi: Ông Ngô Đức Nhân (Giám đốc)
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Công ty)

I. Cơ sở pháp lý

- Quyết định số 19/QĐ-CPNT2 ngày 10/06/2022 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty về việc phê duyệt sửa đổi, bổ sung điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;
- Quyết định số 08/QĐ-CPNT2 ngày 20/01/2020 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt sửa đổi Quy chế phân cấp trong quản lý đấu thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;
- Quyết định số 08/QĐ-CPNT2 ngày 17/01/2023 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt Quy chế lựa chọn nhà thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;
- Quyết định số 46/QĐ-CPNT2 ngày 18/01/2023 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt Quy định cụ thể về thực hiện lựa chọn nhà thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;
- Quyết định số 94/QĐ-CPNT2 ngày 27/02/2024 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Thay thế và bổ sung camera giám sát an ninh, an toàn Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

II. Nội dung xin phê duyệt

Các Phòng chức năng kính trình Giám đốc xem xét phê duyệt nội dung Yêu cầu báo giá gói thầu Thay thế và bổ sung camera giám sát an ninh, an toàn Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 với nội dung cơ bản như sau:

- Chương I: Yêu cầu nộp Báo giá.
Chương II: Phạm vi cung cấp, yêu cầu của gói thầu.
Chương III: Biểu mẫu.
Chương IV: Dự thảo hợp đồng.

(Nội dung chi tiết như Yêu cầu báo giá đính kèm)

Các Phòng chức năng kính đề nghị Giám đốc Công ty xem xét phê duyệt để có cơ sở triển khai công tác lựa chọn nhà thầu theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt.

Trân trọng.

Phòng KTSX



Trần Đức Thiện

Phòng TM-TTĐ



Nguyễn Quang Minh

Phòng TCKT


Lê Văn Tú

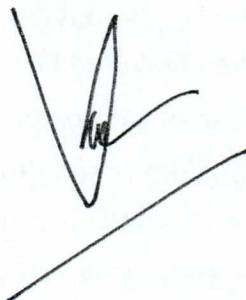
Nơi nhận:

- Như trên;
- PGĐ N.T.Thu;
- P.KTSX, P.TCKT, TM-TTĐ;
- Lưu VT.

Đính kèm:

- Yêu cầu báo giá.

PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



Nguyễn Trung Thu

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu: Thay thế và bổ sung camera giám sát an ninh, an toàn Nhà máy điện Nhơn Trạch 2

Phát hành ngày: 29/02/2024.

Ban hành kèm theo Quyết định: 98/QĐ - CPN12

 Bên mời thầu 



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Trung Thu

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Bên mời thầu: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào giá (nộp Báo giá) gói thầu Thay thế và bổ sung camera giám sát an ninh, an toàn Nhà máy điện Nhơn Trạch 2. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản Yêu cầu báo giá này.
3. Loại hợp đồng: Trọn gói.

Mục 2. Tư cách hợp lệ

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp Báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu theo quy định. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh; Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá;

Giá dự thầu ghi trong Đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu;

Thời hạn hiệu lực của Báo giá đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 7 của Yêu cầu báo giá.

2. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
3. Hạch toán tài chính độc lập;
4. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
5. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
6. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để đánh giá về kỹ thuật.

Stt	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
I. Về phạm vi cung cấp			
1	Chủng loại vật tư cung cấp	Theo đúng biểu phạm vi cung cấp	Không đúng theo biểu phạm vi cung cấp
2	Số lượng vật tư cung cấp	Theo đúng biểu phạm vi cung cấp	Không đúng theo biểu phạm vi cung cấp
II. Yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa			
1	Các thông số kỹ thuật theo biểu phạm vi cung cấp	Đáp ứng hoặc cao hơn yêu cầu trong biểu phạm vi cung cấp	Không đáp ứng yêu cầu trong biểu phạm vi cung cấp
2	Nhà thầu phải có cam kết cung cấp đầy đủ chứng từ CO, CQ của hàng hóa theo yêu cầu của Yêu cầu báo giá	Có cam kết	Không có cam kết
3	Nhà thầu phải có cam kết hàng hóa được cung cấp là mới 100% chưa qua sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, ngày sản xuất hàng hóa cung cấp sau ngày 01/06/2023	Có cam kết	Không có cam kết
III. Chế độ Bảo hành			
1	Nhà thầu có cam kết thời gian bảo hành cho toàn bộ phạm vi cung cấp: ≥ 01 năm kể từ ngày nghiệm thu hàng hóa	Có cam kết	Không có cam kết
IV. Tiến độ và địa điểm giao hàng			
1	- Địa điểm giao hàng: Kho của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2; Địa chỉ: Ấp 3 xã Phước Khánh - huyện Nhơn Trạch - tỉnh Đồng Nai hoặc đúng địa điểm yêu cầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2. - Tiến độ thực hiện: cung cấp toàn bộ hàng hóa và lắp đặt trong thời gian 120 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.	Có cam kết	Không có cam kết

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí kỹ thuật được đánh giá là **đạt**.

Báo giá được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí kỹ thuật được đánh giá là **đạt**.

Nhà thầu có Báo giá đạt yêu cầu về kỹ thuật được xem xét, đánh giá tiếp về giá. Nhà thầu có Báo giá không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật thì bị loại.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về giá: Áp dụng Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá ((nếu có)3);

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSMT có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện E-HSMT đáp ứng căn bản E-HSMT, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá dự thầu và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong E-HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong E-HSMT;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong E-HSDT của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong E-HSDT của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các E-HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong E-HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá dự thầu của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong E-HSDT của nhà thầu này; trường hợp E-HSDT của nhà thầu không có đơn giá dự thầu tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

Mục 5. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 và Mẫu số 03 Chương III các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của Yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào Đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội

dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 6. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Thỏa thuận liên danh (nếu có);
3. Biểu giá theo Mẫu số 02, Mẫu số 03;
4. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp;
5. Các nội dung cần thiết khác theo yêu cầu của Yêu cầu báo giá.

Mục 7. Thời hạn hiệu lực của Báo giá

Thời gian có hiệu lực của Báo giá là 70 ngày, kể từ ngày có thời điểm ngừng tiếp nhận Báo giá.

Mục 8. Nộp, tiếp nhận, đánh giá Báo giá

1. Nhà thầu phải nộp Báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Thời gian nhận báo giá không muộn hơn **10 giờ 00 phút ngày 07/03/2024**. Các báo giá được gửi đến Bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp Báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong Báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp Báo giá, Bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các Báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của Báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp Báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các Báo giá theo yêu cầu của Yêu cầu báo giá để đánh giá các Báo giá.

Mục 9. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong Yêu cầu báo giá;
2. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt.

Mục 10. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào giá theo đường bưu điện, fax và được đăng tải trên web site: <https://www.pvpnt2.vn> của Bên mời thầu.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, Bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi

cho nhà thầu.

Mục 11. Bảo lãnh bảo hành

- Nhà thầu phải đảm bảo trách nhiệm bảo hành bằng bảo lãnh bảo hành, giá trị bảo lãnh bảo hành là 5% giá trị hợp đồng trước thuế VAT, hiệu lực của bảo lãnh bảo hành là 12 tháng kể từ ngày hai bên ký Biên bản nghiệm thu giao hàng đợt cuối. Trường hợp phát hành bảo lãnh sau ngày nghiệm thu thì hiệu lực của bảo lãnh 12 tháng kể từ ngày phát hành bảo lãnh hợp lệ. Hình thức là Chứng thư bảo lãnh của Ngân hàng hoặc chuyển tiền vào tài khoản của Bên mời thầu.

- Trong thời gian bảo hành, Bên mời thầu sẽ thông báo cho Nhà thầu về những hư hỏng liên quan tới hàng hóa. Nhà thầu có trách nhiệm khắc phục các hư hỏng bằng chi phí của mình trong khoảng thời gian được quy định trong Hợp đồng.

- Trong trường hợp Nhà thầu không khắc phục hư hỏng trong thời được quy định trong Hợp đồng, Bên mời thầu có thể tổ chức khắc phục hư hỏng, xác định chi phí khắc phục hư hỏng và Nhà thầu sẽ phải hoàn trả khoản chi phí này cho Bên mời thầu.

- Thời gian bảo hành: 12 tháng kể từ ngày hai bên ký Biên bản nghiệm thu giao hàng đợt cuối.

Mục 12. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định của Luật đấu thầu.

Chương II. PHẠM VI CUNG CẤP, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

Mục 1: Phạm vi cung cấp, tiến độ và địa điểm thực hiện

1. Phạm vi công việc

Nhà thầu phải cung cấp theo phạm vi công việc như bảng dưới đây:

Stt	Tên vật tư	Thông Số Kỹ thuật/mã hàng	Đơn vị	Số lượng	Nhà sản xuất/ tương đương	Ghi chú
1	4MP remote outdoor bullet	HC60WB4R2I	Bộ	6	Honeywell	Cung cấp CO, CQ
2	Tivi 50 inch	UA50RU7400K/ Tương đương	Bộ	2	SamSung	CQ
3	5MP Network WDR IP indoor Dome Camera, WDR 120dBm 1/2.8 CMOS, 2.7-12mm MFZ, 3IR LEDs, POE, H.265 HEVC Smart codec, IP52, Built-in Microphone, White	HC60W35R2	Bộ	3	Honeywell	Cung cấp CO, CQ
4	Switch 4port POE	DS-3E0505P-E/M	Bộ	1	Hikvision	
5	Cáp mạng Cat6	CAT6	Thùng	1	Commscope	
6	Chi phí khác: Nhân công, xe nâng, giàn giáo, thiết bị, công cụ lắp đặt có liên quan để hoàn thiện đường truyền nhận tín hiệu, ghi hình và lên hình của các camera mới và hoàn thiện lại hệ thống camera hiện hữu tại máy chủ và máy client,...		Gói	1		

Ghi chú:

- CO là Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ hàng hóa;

- CQ là Giấy chứng nhận chất lượng của hàng hóa;

- (1) tương đương là tương đương về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ, đảm bảo hoạt động tốt phù hợp với các thiết bị, hệ thống hiện hữu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

2. Thời gian thực hiện hợp đồng và địa điểm giao hàng:

- ❖ Thời gian thực hiện hợp đồng: 120 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
- ❖ Địa điểm giao hàng: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 - Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

3. Yêu cầu về kỹ thuật

Hàng hóa cung cấp phải phù hợp với các thiết bị, hệ thống hiện hữu của Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2, đáp ứng đầy đủ hoặc cao hơn đặc tính kỹ thuật nêu trong Biểu phạm vi cung cấp.

Danh mục hàng hóa với các thông số kỹ thuật trong biểu phạm vi cung cấp là các mục hàng hóa mà Bên mời thầu đang sử dụng hoặc mong muốn sử dụng. Nhà thầu có thể chào đúng loại mã trên hoặc loại có tính năng sử dụng tương đương hoặc tốt hơn loại yêu cầu nhưng phải đảm bảo phù hợp với yêu cầu sử dụng và hệ thống hiện hữu của Bên mời thầu. Trong trường hợp Nhà thầu chào hàng tương đương thì phải cung cấp các tài liệu chứng minh tính tương đương của hàng hóa và phải có cam kết tính tương thích của hàng hóa chào tương đương trong quá trình sử dụng, lắp đặt (tương thích cả về thông số kỹ thuật và hình dáng hình học để lắp đặt được vào vị trí thực tế của thiết bị).

Trường hợp chào mặt hàng thay thế, nhà thầu phải cung cấp tài liệu kỹ thuật để chứng minh, kèm theo bảng phân tích tính tương đương giữa mặt hàng yêu cầu và mặt hàng được chọn thay thế, có văn bản cam kết mặt hàng chào thay thế là tương đương hoặc tốt hơn so với mặt hàng yêu cầu.

Hàng hóa có quy cách tương đương là hàng hóa có đặc tính kỹ thuật tương tự, cùng quy cách, cùng thành phần tương đương có tính năng sử dụng tương đương với hàng hóa theo yêu cầu.

Nhà thầu cung cấp đầy đủ tài liệu kỹ thuật của Nhà sản xuất kèm theo đúng chủng loại hàng hóa trong Yêu cầu báo giá.

Trong quá trình đánh giá Báo giá, để đảm bảo tính chính xác của hàng hóa nhà thầu chào, Bên mời thầu có quyền yêu cầu nhà thầu cung cấp tài liệu kỹ thuật để chứng minh tính đáp ứng của hàng hóa (kể cả những hàng hóa nhà thầu chào đúng loại tham khảo nêu trong Yêu cầu báo giá).

Nhà thầu phải tự khảo sát và xem xét hệ thống tiếp nhận của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 và các khu vực xung quanh để có tất cả các thông tin cần thiết cho việc chuẩn bị Báo giá và phương tiện vận chuyển phù hợp. Nhà thầu phải tự chịu mọi chi phí cho việc khảo sát nêu trên và chịu trách nhiệm về những rủi ro có liên quan.

4. Các yêu cầu khác

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm vận chuyển và bốc xếp hàng từ phương tiện vận chuyển xuống cửa kho của PVPower NT2, tại ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Toàn bộ chi phí giao hàng/nghiệm thu do Nhà thầu chịu.

Mục 2. Kiểm tra và thử nghiệm

- Bên mời thầu hoặc đại diện của Bên mời thầu có quyền kiểm tra, thử nghiệm dịch vụ được cung cấp để đảm bảo dịch vụ có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian sẽ do Bên mời thầu thông báo trước và được Nhà thầu thống nhất chấp thuận.
- Trường hợp dịch vụ không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên mời thầu có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các dịch vụ không phù hợp, Bên mời thầu có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm dịch vụ của Bên mời thầu không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu.
- Trong trường hợp không thống nhất được quan điểm giữa hai Bên về phương pháp kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa hoặc Nhà thầu không chứng minh được về chất lượng hàng hóa thì hai Bên thống nhất mời một đơn vị độc lập có chức năng thực hiện công tác này, chi phí do Nhà thầu chịu.
- Địa điểm kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa: Tại kho của Bên mời thầu - Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 - Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào giá]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của Bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu Yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi Yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của Yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày . tháng . năm _____

Gói thầu: _____[ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____[ghi tên dự án]

Căn cứ⁽²⁾ _____[Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội];

Căn cứ⁽²⁾ _____[Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu _____[ghi tên gói thầu] ngày ____ tháng ____ năm ____[ngày được ghi trên Yêu cầu báo giá];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____[ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____[ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____[ghi tên dự án].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____[ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Bên mời thầu theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án ____ [ghi tên dự án] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ Yêu cầu báo giá và văn bản giải trình, làm rõ Báo giá hoặc văn bản đề nghị rút Báo giá, sửa đổi, thay thế Báo giá;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây ⁽⁴⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- ____ - ____	- ____ % - ____ %
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____ % - ____ %
....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [ghi tên dự án] theo thông báo của Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào
1	Thay thế và bổ sung camera giám sát an ninh, an toàn Nhà máy điện Nhơn Trạch 2	(I)
Tổng cộng giá chào (đã bao gồm toàn bộ thuế phí cần thiết để thực hiện gói thầu) (M) = (I) (Kết chuyển sang Đơn chào hàng)		(M)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

Stt	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Nhà sản xuất, xuất xứ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Kê khai hàng hóa thuộc ưu đãi (nếu có) (*)
1	Hàng hóa thứ 1							
2	...							
3	Hàng hóa thứ n							
	Tổng cộng giá chào của hàng hóa đã bao gồm thuế VAT (**), phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i>							

Ghi chú: (*) Trường hợp nhà thầu không kê khai thì hàng hóa của nhà thầu được coi là không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.

(**) Nhà thầu ghi rõ thuế suất thuế VAT là bao nhiêu %.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ⁽¹⁾ ____ [Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005];

- Căn cứ ____ [Luật đấu thầu số 22/2023/QH15];

- Căn cứ ____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] của ____ [Ghi tên Bên mời thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Bên mời thầu (sau đây gọi là Bên A)

Tên Bên mời thầu: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng Hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện gói thầu Thay thế và bổ sung camera giám sát an ninh, an toàn Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 theo phụ lục 1-Biểu giá và phạm vi công việc (đính kèm).

Điều 2. Thành phần Hợp đồng

Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản Hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện Hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Báo giá và các văn bản làm rõ Báo giá của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. Yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ Yêu cầu báo giá (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

- Thực hiện đầy đủ các điều khoản như đã quy định trong hợp đồng và thanh toán cho Bên B theo quy định của Hợp đồng này.
- Theo dõi giám sát trong quá trình thực hợp đồng.
- Kiểm tra khi Bên B giao hàng hóa có đảm bảo quy cách và tiến độ được quy định trong hợp đồng.
- Kiểm tra chất lượng, nghiệm thu hàng hóa do Bên B cung cấp theo đúng chủng loại, đặc tính kỹ thuật Nhà Máy Điện Nhơn Trạch 2.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

- Giao hàng hóa đảm bảo quy cách, chất lượng và tiến độ được quy định trong Hợp đồng.
- Thực hiện đúng, đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng.
- Chịu trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn cho Bên A sử dụng và vận hành hàng hóa (nếu có).
- Chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa cung cấp như: Chủng loại, đặc tính kỹ thuật Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
- Chịu trách nhiệm bảo hành hàng hóa theo đúng quy định của hợp đồng.
- Thông báo cho Bên A khi có thay đổi thông tin về tài khoản ngân hàng bằng văn bản.
- Tạo điều kiện thuận lợi để Bên A theo dõi giám sát trong quá trình thực hiện hợp

đồng.

Điều 5. Giá Hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ (bằng chữ :...)
2. Loại Hợp đồng: Trọn gói.
3. Thời gian thực hiện Hợp đồng
Thời gian thực hiện hợp đồng: 120 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
4. Phương thức và đồng tiền thanh toán:
 - a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.
 - b) Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng.
 - c) Thời hạn thanh toán: Thanh toán 100% giá trị thực hiện công việc. Thời gian thanh toán trong vòng 15 ngày sau khi nhận được các chứng từ thanh toán do bên B cung cấp gồm có:
 - Một (01) Bản gốc Giấy đề nghị thanh toán;
 - Một (01) Bản gốc hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn điện tử GTGT theo quy định của Bộ Tài Chính có giá trị bằng 100% giá trị thanh toán;
 - Một (01) Bản gốc Biên bản nghiệm thu vật tư hàng hóa về kho (từng đợt);
 - Một (01) Bản gốc/Bản điện tử (kèm theo đường link hoặc mã QR để kiểm tra) Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) do Cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp. Bên B được cung cấp Bản sao có xác nhận của nhà nhập khẩu Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) do Cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất đối với phần hàng hóa mà nhập khẩu cùng các hàng hóa khác không thuộc hợp đồng này;
 - Một (01) Bản gốc/Bản sao có xác nhận của nhà sản xuất Giấy chứng nhận chất lượng do nhà sản xuất cấp đối với phần hàng hóa Nhà thầu nhập khẩu trực tiếp/Bản sao có xác nhận của nhà nhập khẩu Giấy chứng nhận chất lượng do nhà sản xuất cấp đối với phần hàng hóa Nhà thầu không trực tiếp nhập khẩu;
 - Một (01) Bản sao y công chứng/bản sao có xác nhận của nhà cung cấp cho Bên B hợp đồng giữa Bên B với nhà cung cấp trong nước đối với phần hàng hóa Bên B không trực tiếp nhập khẩu;
 - Một (01) Bản gốc Biên bản quyết toán thanh lý hợp đồng;
 - Một (01) Bản gốc Giấy bảo hành của nhà sản xuất/nhà cung cấp;
 - Một (01) Bản gốc Giấy bảo lãnh bảo hành của một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam có giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng trước thuế VAT.
 - Tài liệu kỹ thuật hàng hóa (nếu có).

Điều 6. Giao hàng, nghiệm thu

- 6.1 Thời gian giao hàng: Bên B sẽ giao hàng cho Bên A theo tiến độ quy định tại Khoản 5 hợp đồng này.

6.2 Thủ tục giao hàng:

❖ Thông báo giao hàng: Bên B sẽ gửi thông báo giao hàng bằng văn bản (có đính kèm danh mục hàng hóa và tài liệu hàng hóa được giao) cho Bên A trước 03 ngày để Bên A tiến hành tổ chức nghiệm thu;

❖ Biên bản bàn giao:

- Gồm 04 (bốn) bản được đại diện giữa hai bên xác nhận tại thời điểm giao hàng;
- Một (01) Bản sao Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) do Cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp;
- Một (01) Bản sao Giấy chứng nhận chất lượng do nhà sản xuất cấp;
- Tài liệu kỹ thuật hàng hóa (nếu có);

6.3 Địa điểm giao hàng: Tại kho của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (Bên A sẽ phối hợp, hỗ trợ phương tiện nâng hạ để giao nhận hàng hóa).

6.4 Chi phí giao hàng: Toàn bộ chi phí do Bên B chịu.

Điều 7. Bảo lãnh bảo hành

- Bảo lãnh bảo hành có giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng trước thuế VAT và có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu đợt cuối. Trường hợp phát hành bảo lãnh sau ngày nghiệm thu thì hiệu lực của bảo lãnh 12 tháng kể từ ngày phát hành bảo lãnh hợp lệ.
- Bảo lãnh bảo hành phải do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.

Điều 8. Sửa đổi bổ sung, gia hạn và chấm dứt hợp đồng

8.1 Sửa đổi bổ sung:

Trường hợp cần thiết điều chỉnh hoặc bổ sung, hai bên sẽ thỏa thuận bằng văn bản kèm theo hợp đồng này.

8.2 Gia hạn hợp đồng:

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu Bên B gặp khó khăn gây chậm trễ trong việc thực hiện theo thời gian quy định tại hợp đồng này thì Bên B phải thông báo cho Bên A biết đồng thời nêu rõ lý do cùng với thời gian dự tính kéo dài. Khi nhận được thông báo của Bên B, Bên A phải trả lời Bên B bằng văn bản trong vòng 03 ngày. Việc Bên A đồng ý gia hạn hợp đồng sẽ là cơ sở để hai Bên thương thảo ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

8.3 Chấm dứt hợp đồng:

- Bên A có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên B khi Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn

đã nêu trong hợp đồng hoặc khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn thêm như Khoản 8.2 Điều này.

- Khi Bên A chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Nếu Bên A không tìm được đơn vị cung cấp khác thì Bên B phải chịu phạt 8% giá trị trước thuế của hàng hóa không cung cấp được. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng do mình thực hiện.

Điều 9. Trường hợp bất khả kháng

9.1 Quy định về bất khả kháng:

Bất khả kháng được hiểu là sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các Bên, không liên quan đến sai phạm hoặc sơ suất của các Bên chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, dịch bệnh, khủng bố, hay những trường hợp tương tự có ảnh hưởng đến việc sản xuất, giao hàng của nhà cung cấp mà hai bên chịu ảnh hưởng, không thể kiểm soát, điều khiển được.

9.2 Thủ tục về bất khả kháng:

Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, các bên phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho nhau về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, Bên bị xảy ra sự kiện bất khả kháng phải chuyển cho Bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trừ khi có ý kiến của Bên kia bằng văn bản, Bên bị xảy ra sự kiện bất khả kháng vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần không bị ảnh hưởng của trường hợp bất khả kháng.

Bên bị xảy ra sự kiện bất khả kháng sẽ không bị bồi thường thiệt hại hay chấm dứt Hợp đồng.

Điều 10. Điều chỉnh giá trị hàng hóa do thay đổi xuất xứ

Trong trường hợp Bên B đề nghị thay đổi xuất xứ so với quy định tại hợp đồng và được Bên A chấp thuận bằng văn bản trên cơ sở tài liệu chứng minh phù hợp được Bên B cung cấp, hai Bên sẽ thống nhất điều chỉnh giá trị (đối với hàng hóa điều chỉnh xuất xứ thấp hơn) theo hệ số và công thức được quy định như tại Biên bản thương thảo hợp đồng.

Điều 11: Phạt do vi phạm thời hạn giao hàng

- Trừ trường hợp bất khả kháng như quy định tại Điều 9, nếu Bên B không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn, thì Bên A có quyền khấu trừ khoản tiền phạt tương ứng với 0,3% giá trị hàng hóa giao chậm cho mỗi ngày chậm giao hàng và mức tối đa không quá 8% tổng giá trị hợp đồng trước thuế. Khi thời gian giao

hàng vượt quá 4 tuần, Bên A có thể xem xét việc chấm dứt Hợp đồng và tịch thu tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Bên B.

Điều 12. Phạt do chậm nghiệm thu thanh toán

- Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc sau khi Bên B hoàn thành bàn giao hàng hóa, Bên A không tiến hành nghiệm thu hàng hóa của Bên B mà không đưa ra được lý do chính đáng bằng văn bản thì Bên A sẽ bồi thường thiệt hại cho Bên B khoản tiền phạt tương ứng với 0,05% giá trị hàng hóa được giao trước thuế cho mỗi ngày chậm nghiệm thu và mức tối đa không quá 8% giá trị hợp đồng trước thuế.
- Trong trường hợp Bên A chậm thanh toán cho Bên B theo quy định tại Điều 6 hợp đồng. Bên A sẽ bồi thường cho Bên B khoản tiền phạt chậm thanh toán được tính trên cơ sở số tiền chậm trả, với lãi suất được tính bằng 100% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà Nước công bố tại thời điểm tương ứng theo số ngày chậm trả thực tế.

Điều 13. Bảo hành

13.1 Giá trị bảo lãnh bảo hành:

Sau ngày nghiệm thu hàng hóa Bên B phải nộp cho Bên A bản gốc bảo lãnh bảo hành có giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng trước thuế VAT tương ứng với thời gian bảo hành Hàng hóa do ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.

Nếu trong thời gian bảo hành hàng hóa xảy ra tình trạng hư hỏng hoặc không phù hợp với qui định của hợp đồng mà nguyên nhân do lỗi của Bên B thì Bên B phải có trách nhiệm khắc phục hoặc thay thế mới trong thời gian hợp lý (nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A).

13.2 Thời gian bảo hành:

Mười hai (12) tháng kể từ ngày ký biên bản bàn giao nghiệm thu đợt cuối.

13.3 Phạm vi bảo hành:

- Phạm vi bảo hành: Toàn bộ hàng hóa do Bên B cung cấp.
- Nguyên tắc bảo hành: Không bảo hành những trường hợp hư hỏng do Bên A bảo quản và sử dụng không đúng mục đích, hướng dẫn của Bên B.
- Thủ tục bảo hành: Khi phát hiện các hư hỏng thuộc phạm vi bảo hành của Bên B, Bên A gửi thông báo bằng văn bản cho Bên B, trong đó nêu rõ các hư hỏng hoặc các hiện tượng hư hỏng. Sau khi nhận được thông báo của Bên A, Bên B sẽ cử nhân viên đến kiểm tra tại Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 hoặc hướng dẫn Bên A kiểm tra, xác định nguyên nhân hư hỏng để thay thế kịp thời. Các chi phí do khắc phục hư hỏng trong phạm vi bảo hành của Bên B sẽ được miễn phí.
- Địa điểm bảo hành: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, Ấp 3, xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

Điều 14. Điều chỉnh thuế GTGT

- Điều chỉnh thuế (áp dụng đối với thuế VAT): Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm), đồng thời Bên B xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 15. Điều khoản chung

15.1 Ngôn ngữ hợp đồng và Luật áp dụng

- Ngôn ngữ của hợp đồng là Tiếng Việt.
- Luật điều chỉnh hợp đồng là pháp luật Việt Nam.

15.2 Giải quyết tranh chấp:

- Hai Bên cam kết nghiêm chỉnh thực hiện các điều khoản đã ký kết, không Bên nào được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng này, mọi vấn đề khó khăn trở ngại hai Bên cùng thương lượng giải quyết trên tinh thần hai Bên cùng có lợi. Các thay đổi đều phải được thỏa thuận bằng văn bản do hai Bên ký kết mới có hiệu lực.
- Mọi tranh chấp nếu có mà hai Bên không hòa giải được sẽ được đưa ra Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai giải quyết theo quy định của pháp luật.

15.3 Hiệu lực hợp đồng:

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Hợp đồng này được lập thành năm (05) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ ba (03) bản, Bên B giữ hai (02) bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN B

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN A

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC 1

BIỂU GIÁ VÀ PHẠM VI CÔNG VIỆC

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

Stt	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1					
2					
3					
CỘNG GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ					
THUẾ VAT					
TỔNG GIÁ TRỊ ĐÃ BAO GỒM THUẾ VAT					

THƯ CHẤP THUẬN BẢO GIÁ VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: [ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu, sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”]

Về việc: Thông báo chấp thuận BCG và trao hợp đồng

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời thầu về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: ____ [ghi tên, số hiệu gói thầu], Bên mời thầu [ghi tên Bên mời thầu, sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu”] xin thông báo Bên mời thầu đã chấp thuận Bảo giá và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu [ghi tên, số hiệu gói thầu] với giá hợp đồng là: ____ [ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu] với thời gian thực hiện hợp đồng là: ____ [ghi thời gian thực hiện hợp đồng trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng], tại địa điểm [ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng];

- Thời gian ký kết hợp đồng: ____ [ghi thời gian ký kết hợp đồng]; tại địa điểm [ghi địa điểm ký kết hợp đồng], gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó Nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của Nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của Yêu cầu báo giá. Bên mời thầu sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽¹⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

